

Đối tượng nộp lệ phí tuyển sinh, cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức thu lệ phí tuyển sinh và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Tài chính  
*Thủ trưởng*

VŨ VĂN NINH

NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

**QUYẾT ĐỊNH số 652/2001/QĐ-NHNN**  
ngày 17/5/2001 về việc ban hành  
Quy định phương pháp tính và  
hạch toán thu, trả lãi của Ngân  
hàng Nhà nước và các tổ chức tín  
dụng.

**THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC**

*Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997 và Luật các Tổ chức tín dụng số 02/1997/QH10 ngày 12/12/1997;*

*Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế toán - Tài chính,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định phương pháp tính và hạch toán thu, trả

lãi của Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2001.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế toán - Tài chính, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc chi nhánh Ngân hàng Nhà nước tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc (Giám đốc) Tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước  
*Phó Thống đốc*

NGUYỄN THỊ KIM PHỤNG

**QUY ĐỊNH phương pháp tính và hạch**  
**toán thu, trả lãi của Ngân hàng**  
**Nhà nước và các tổ chức tín dụng**

*(ban hành kèm theo Quyết định số 652/2001/QĐ-NHNN ngày 17/5/2001 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước).*

*Chương I*

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** Phạm vi điều chỉnh.

Quy định này quy định về phương pháp tính và hạch toán các khoản thu, trả lãi phát sinh trong hoạt động của Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng hoạt động tại Việt Nam.

**Điều 2.** Giải thích từ ngữ.

Trong Quy định này, các thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. **Lãi:** Là khoản tiền mà bên vay, huy động

vốn hoặc bên thuê trả cho bên cho vay, đầu tư chứng khoán, gửi tiền hoặc bên cho thuê về việc sử dụng vốn vay, vốn huy động hoặc tài sản cho thuê. Lãi được tính toán căn cứ vào số vốn, thời gian sử dụng vốn và lãi suất.

**2. Hạch toán dự thu:** Là việc thực hiện tính và hạch toán vào tài khoản thu nhập theo định kỳ những khoản lãi sẽ thu được tại một thời điểm nhất định trong tương lai (lãi phải thu), không phụ thuộc việc tại thời điểm tính và hạch toán, lãi vẫn chưa được thu.

**3. Hạch toán dự chi:** Là việc thực hiện tính và hạch toán dần vào tài khoản chi phí theo định kỳ những khoản lãi sẽ phải trả tại một thời điểm nhất định trong tương lai, không phụ thuộc việc tại thời điểm tính và hạch toán, lãi vẫn chưa được chi trả.

**4. Hạch toán thực thu - thực chi:** Là việc hạch toán vào tài khoản thu nhập hoặc chi phí theo số tiền thực tế đã thu vào hoặc đã chi ra.

**5. Hạch toán phân bổ:** Là việc thực hiện tính và chuyển dần (phân bổ) vào tài khoản thu nhập hoặc chi phí theo từng định kỳ đối với những khoản lãi đã thu trước hoặc đã chi trả trước.

**Điều 3.** Nguyên tắc chung về việc tính thu, trả lãi của Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tín dụng đối với khách hàng.

**1. Việc tính thu, trả lãi** phụ thuộc vào hình thức huy động vốn, hình thức cho vay hay đầu tư do Ngân hàng Nhà nước và tổ chức tín dụng quy định hoặc thỏa thuận với khách hàng (nếu có). Có 3 cách tính thu, trả lãi:

- Tính thu, trả lãi theo định kỳ;
- Tính thu, trả lãi trước;
- Tính thu, trả lãi sau.

**2. Trong một số trường hợp đặc biệt, việc tính thu, trả lãi được thực hiện như sau:**

a) Nếu khoản tiền vay đã có quyết định khoan nợ của cấp có thẩm quyền thì không tính và thu lãi cho vay trong thời gian được khoan (kể từ ngày được khoan đến hết thời hạn khoan hoặc đến khi khoản tiền vay được xử lý).

b) Nếu khách hàng vay là doanh nghiệp bị phá sản, giải thể, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất hay được giao, bán, khoán kinh doanh theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền thì việc tính thu, trả lãi được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

c) Nếu khách hàng vay là cá nhân chết hay bị tòa án tuyên bố là mất tích, đã chết mà không có người thừa kế trả nợ thay thì ngừng tính lãi cho vay kể từ ngày chính quyền địa phương nơi khách hàng cư trú xác nhận khách hàng vay chết hoặc kể từ ngày quyết định của tòa án tuyên bố khách hàng vay mất tích, đã chết có hiệu lực pháp luật.

d) Trong trường hợp khách hàng vay còn số dư nợ quá hạn thì Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng sẽ thu gốc trước và tận thu lãi khi khách hàng có tiền.

**Điều 4.** Ngân hàng Nhà nước thực hiện phương pháp hạch toán thực thu - thực chi đối với các khoản thu, trả lãi phát sinh trong hoạt động của mình.

**Điều 5.** Tổ chức tín dụng phải xác định và chịu trách nhiệm về việc áp dụng phương pháp tính và hạch toán các khoản thu, trả lãi (phương pháp dự thu; dự chi; thực thu - thực chi; và phân bổ) phát sinh trong hoạt động của tổ chức mình phù hợp với quy định hiện hành của chế độ tài chính và của các cơ chế về huy động vốn, hoạt động tín dụng và hoạt động nghiệp vụ khác có liên quan.

**Điều 6.** Định kỳ tính và hạch toán thu, trả lãi áp dụng đối với tổ chức tín dụng.

Tổ chức tín dụng quy định định kỳ tính và hạch toán thu, trả lãi phù hợp với đặc thù hoạt

động và yêu cầu quản lý của tổ chức mình nhưng phải đảm bảo toàn bộ các khoản lãi dự thu, dự chi, thực thu - thực chi và phân bổ được tính, hạch toán đầy đủ, chính xác vào tài khoản thu nhập hoặc chi phí trong tháng cuối quý, cuối năm tài chính.

**Điều 7.** Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng phải lập đầy đủ chứng từ hợp lệ, hợp pháp; tính và hạch toán kịp thời, chính xác các khoản thu, trả lãi và có trách nhiệm báo nợ, báo có cho khách hàng theo đúng quy định hiện hành.

**Điều 8.** Đối với các khoản thu, trả lãi bằng ngoại tệ, Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng thực hiện thu, trả lãi theo loại ngoại tệ đã huy động, cho vay hoặc đầu tư. Trường hợp thu, trả lãi bằng ngoại tệ khác hay bằng Đồng Việt Nam thì thực hiện theo thỏa thuận giữa Ngân hàng Nhà nước hoặc tổ chức tín dụng với khách hàng, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về quản lý ngoại hối.

**Điều 9.** Các yếu tố để tính lãi tiền gửi, tiền vay.

Lãi tiền gửi, tiền vay được tính theo các yếu tố sau:

**1. Lãi suất:** Căn cứ vào mức lãi suất cụ thể của từng đợt huy động vốn hay loại cho vay được ghi trong sổ tiền gửi hoặc hợp đồng tín dụng;

**2. Số tiền:** Số tiền làm căn cứ để tính lãi là số tiền thực tế đã huy động của khách hàng hoặc số tiền thực tế đã cho khách hàng vay:

a) Trường hợp tính lãi theo phương pháp tích số: Số tiền để tính lãi là số ngày thực tế dư Có của tài khoản tiền gửi hoặc số ngày thực tế dư Nợ của tài khoản cho vay của từng ngày trong tháng. Những ngày nghỉ (ngày lễ, ngày nghỉ hàng tuần) thì lấy số dư cuối của ngày làm việc trước ngày đó.

b) Trường hợp tính lãi theo món: Căn cứ vào số tiền (gốc) gửi vào hoặc trả nợ.

**3. Thời gian:** Thời gian để tính lãi tiền gửi, tiền vay có thể là ngày, tháng, quý hoặc năm và có loại tính theo giờ.

Thời gian chuẩn tính lãi theo năm, tháng, ngày, giờ quy ước như sau:

+ Một năm có 360 ngày;

+ Một năm có 12 tháng;

+ Một tháng có 30 ngày (không phân biệt tháng có 28, 29, 30 hay 31 ngày);

+ Một ngày là 24 giờ.

a) Nếu ngày thu lãi, trả lãi trùng vào ngày lễ hay ngày nghỉ hàng tuần thì chuyển sang ngày làm việc tiếp theo.

b) Đối với những khoản tiền gửi hoặc tiền vay có thời hạn từ một ngày trở lên thì thời gian tính lãi được tính từ ngày gửi tiền hoặc ngày vay mà không tính ngày rút tiền hoặc ngày trả nợ.

## Chương II

### CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

**Điều 10.** Phương pháp tính lãi.

Có hai phương pháp tính lãi:

- Tính theo tích số.

- Tính theo món.

**1. Tính theo tích số:** Phương pháp này áp dụng đối với các khoản vay ngắn hạn, tiền gửi thanh toán, tiền gửi không kỳ hạn. Việc tính lãi được thực hiện vào những ngày cuối tháng (ngày cụ thể do từng ngân hàng quy định riêng) và lấy tổng tích số cả tháng nhân (x) lãi suất tháng, chia (:) cho 30 ngày, theo công thức:

$$\text{Số tiền lãi} = \frac{\text{Tổng tích số tính lãi trong tháng} \times \text{Lãi suất (tháng)}}{30 \text{ ngày}}$$

Trong đó:

$$\text{Tổng tích số tính lãi trong tháng} = \Sigma \left[ \begin{array}{cc} \text{Số dư} & \text{Số ngày dư} \\ \text{Nợ hay} & \text{Nợ hay} \\ \text{dư Có} & \text{dư Có} \\ & \text{thực tế} \\ & \text{trong tháng} \end{array} \right] \times X$$

**2. Tính theo món:** Phương pháp này áp dụng đối với hình thức tiền gửi có kỳ hạn hoặc các khoản vay ngắn, trung, dài hạn theo món đã thỏa thuận khi cho vay. Khi tính lãi theo món phải căn cứ vào số tiền gửi vào hay số tiền trả nợ, thời gian gửi tiền hoặc sử dụng tiền vay và mức lãi suất cụ thể áp dụng cho thời gian gửi tiền hoặc vay tiền. Công thức tính như sau:

$$\text{Số tiền lãi} = \begin{array}{c} \text{Số tiền gửi} \\ \text{vào hay} \\ \text{số tiền trả} \\ \text{nợ} \end{array} \times \begin{array}{c} \text{Thời gian} \\ \text{gửi hay} \\ \text{vay tiền} \end{array} \times \begin{array}{c} \text{Mức lãi suất} \\ \text{áp dụng cho} \\ \text{thời gian gửi} \\ \text{hay vay tiền} \end{array}$$

Lãi suất áp dụng cho thời gian gửi hay vay tiền do Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng xác định hoặc thỏa thuận với khách hàng theo quy định hiện hành, gồm có:

- Lãi suất năm;
- Lãi suất tháng;
- Lãi suất ngày;
- Lãi suất giờ.

**Điều 11.** Các yếu tố để tính lãi nợ quá hạn:

1. Thời điểm chuyển sang nợ quá hạn: Tính từ ngày tiếp theo ngay sau ngày đến kỳ hạn trả nợ (nếu không được gia hạn nợ hoặc không được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ) ghi trên Hợp đồng tín dụng.

2. Lãi suất nợ quá hạn: Tính theo quy định hiện hành.

3. Số tiền nợ quá hạn: Là số dư trên tài khoản Nợ quá hạn.

**Điều 12.** Kiểm soát tính thu, trả lãi:

1. Người kiểm soát (Kế toán trưởng hoặc Trưởng phòng kế toán hoặc người được ủy quyền) phải đối chiếu và kiểm tra các yếu tố tính lãi:

- Mức lãi suất;
- Số tiền để tính lãi;
- Thời gian tính lãi;
- Phương pháp tính toán được áp dụng;
- Tính chuẩn xác, hợp lệ, hợp pháp của chứng từ thu, trả lãi được lập ra.

2. Trên chứng từ thu lãi, trả lãi gửi cho khách hàng phải có đầy đủ chữ ký của Kế toán trưởng hoặc Trưởng phòng kế toán và Tổng Giám đốc (Giám đốc) hoặc người được ủy quyền.

**Điều 13.** Hạch toán thu lãi:

1. Hạch toán thu lãi theo phương pháp thực thu - thực chi: Khi thu lãi, Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng hạch toán:

Nợ TK thích hợp (tiền mặt, tiền gửi của khách hàng,...).

Có TK thu lãi thích hợp (thu lãi tiền gửi, thu lãi cho vay,...).

**2. Hạch toán thu lãi theo phương pháp phân bổ:**

- Khi thu lãi trước, tổ chức tín dụng hạch toán:

Nợ TK thích hợp (tiền mặt, tiền gửi của khách hàng,...)

Có TK các khoản phải trả khác (TK chi tiết: Lãi tiền gửi thu trước chờ phân bổ; lãi tiền vay thu trước chờ phân bổ,...)

Toàn bộ số lãi đã thu trước

- Theo từng định kỳ, tổ chức tín dụng tính và phân bổ dần vào thu nhập, hạch toán:

0959875

Nợ TK các khoản phải trả khác (TK chi tiết nêu trên).

Có TK thu lãi thích hợp (thu lãi tiền gửi, thu lãi cho vay,...).

- Nếu có quy định hoặc thỏa thuận về việc tổ chức tín dụng trả lại cho khách hàng phần chênh lệch giữa số lãi đã thu trước và số lãi thực tế được hưởng (do khách hàng trả tiền vay trước thời hạn v.v...), khi phát sinh trường hợp này, tổ chức tín dụng hạch toán:

Nợ TK các khoản phải trả khác (TK chi tiết nêu trên)	Số tiền lãi tổ chức tín dụng trả lại cho khách hàng
Có TK thích hợp (tiền mặt, tiền gửi của khách hàng,...)	

**3. Hạch toán thu lãi theo phương pháp dự thu:**

- Định kỳ, tổ chức tín dụng tính số lãi phải thu trong kỳ và hạch toán:

Nợ TK tiền lãi cộng dồn dự thu thích hợp (tiền lãi cộng dồn dự thu trên tiền gửi; tiền lãi cộng dồn dự thu trên tiền vay,...)	Số lãi phải thu trong kỳ
Có TK thu lãi thích hợp	

- Đến hạn thu lãi, khi đã thu được tiền thì hạch toán:

Nợ TK thích hợp (tiền mặt, tiền gửi của khách hàng,...)	Số lãi đã thu được
Có TK tiền lãi cộng dồn dự thu thích hợp	

**4. Đối với số lãi phải thu đã hạch toán thu nhập nhưng được ghi giảm thu theo chế độ quy định, xử lý hạch toán:**

Nợ TK thu lãi thích hợp	Số lãi chưa thu được
Có TK tiền lãi cộng dồn dự thu thích hợp	

Đồng thời hạch toán theo dõi ngoại bảng:

Nhập TK - Lãi chưa thu được - Số lãi chưa thu được.

**Điều 14. Hạch toán trả lãi:**

1. Hạch toán trả lãi theo phương pháp thực thu - thực chi: Khi trả lãi, Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng hạch toán:

Nợ TK trả lãi thích hợp (trả lãi tiền gửi, trả lãi: tiền vay,...).

Có TK thích hợp (tiền mặt, tiền gửi của khách hàng,...).

2. Hạch toán trả lãi theo phương pháp phân bổ:

- Khi chi trả lãi trước, tổ chức tín dụng hạch toán:

Nợ TK chi phí chờ phân bổ (TK chi tiết theo từng loại: Lãi tiền gửi trả trước, lãi tiền vay trả trước....)

Toàn bộ số lãi đã trả trước

Có TK thích hợp (tiền mặt, tiền gửi của khách hàng,...)

- Theo từng định kỳ, tổ chức tín dụng tính và phân bổ dần số lãi đã chi trả trước vào chi phí và hạch toán:

Nợ TK trả lãi thích hợp.

Có TK chi phí chờ phân bổ (TK chi tiết nêu trên).

- Nếu có quy định hoặc thỏa thuận về việc tổ chức tín dụng được thu lại phần chênh lệch giữa số lãi đã chi trả trước và số lãi thực tế phải chi trả (do khách hàng rút tiền gửi trước kỳ hạn v.v...), khi phát sinh trường hợp này, tổ chức tín dụng hạch toán:

Nợ TK thích hợp (tiền mặt, tiền gửi của khách hàng,...)	Số lãi khách hàng trả lại cho tổ chức tín dụng
Có TK chi phí chờ phân bổ (TK chi tiết nói trên)	

### 3. Hạch toán trả lãi theo phương pháp dự chi:

- Định kỳ, tổ chức tính dụng tính số lãi phải trả trong kỳ và hạch toán:

Nợ TK trả lãi thích hợp (trả lãi tiền gửi, trả lãi tiền vay,...)	Số lãi phải trả trong kỳ
Có TK tiền lãi cộng dồn dự trả thích hợp (tiền lãi cộng dồn dự trả trên tiền gửi, tiền lãi cộng dồn dự trả trên tiền vay,...)	

- Đến hạn trả lãi, khi đã chi trả cho người hưởng lãi, hạch toán:

Nợ TK tiền lãi cộng dồn dự trả thích hợp	Số lãi đã chi trả cho khách hàng
Có TK thích hợp (tiền mặt, tiền gửi của khách hàng,...)	

4. Trường hợp số lãi phải trả đã hạch toán chi phí nhưng không còn phải chi trả nữa hoặc được miễn lãi, giảm lãi theo quy định, tổ chức tính dụng xử lý hạch toán:

Nợ TK tiền lãi cộng dồn dự trả thích hợp (tiền lãi cộng dồn dự trả trên tiền gửi, tiền lãi cộng dồn dự trả trên tiền vay,...)	Số lãi không phải trả
Có TK trả lãi thích hợp	

### Chương III

### ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

**Điều 15.** Việc sửa đổi, bổ sung Quy định này do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quyết định./.

KT. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước

Phó Thống đốc

NGUYỄN THỊ KIM PHỤNG

## QUYẾT ĐỊNH số 653/2001/QĐ-NHNN ngày 17/5/2001 về việc ban hành Quy chế Tổ chức thực hiện những nhiệm vụ về quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước.

### THỐNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 01/1997/QH10 ngày 12/12/1997;

Căn cứ Nghị định số 15/CP ngày 02/3/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và trách nhiệm quản lý nhà nước của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 86/1999/NĐ-CP ngày 30/8/1999 của Chính phủ về quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý ngoại hối,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế Tổ chức thực hiện những nhiệm vụ về quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày kể từ ngày ký và thay thế các Quyết định sau đây của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước: Quyết định số 208/QĐ-NH7 ngày 26/7/1995 ban hành quy định về quản lý Quỹ ngoại tệ của Ngân hàng Nhà nước; Quyết định số 216/QĐ-NH7 ngày 07/8/1995 ban hành Quy chế Quản lý và điều hành Quỹ vàng của Ngân hàng Nhà nước; và các quy định liên quan đến việc quản lý dự trữ ngoại hối nhà nước (Quỹ dự trữ ngoại hối và Quỹ bình ổn tỷ giá và giá vàng) trong Quy chế Quản lý ngoại tệ của Ngân hàng Nhà nước ở nước

0969875

LAWSoft \* Tel: +84-8-38466684 \* www.LawVienPhapLuat.com